TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày: 14-01-2021
"V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;

2. Bà Võ Thị Kim Linh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2018/TLST-DS ngày 17/12/2018 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 457/2020/QĐXXST-DS ngày 23/12/2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 483/2020/QĐST-DS ngày 23/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V; Địa chỉ: Số 89, Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 1, số 231T, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ; Người đại diện theo pháp Luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Phó Giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hoàng T - cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (theo văn bản ủy quyền số: 01/2020/UY-VPB ngày 13/01/2020), có mặt;

2. Bị đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T V ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V – Chi nhánh Ninh Kiều với bà Phan Thị N có ký 03 Hợp đồng vay vốn. Hợp đồng tín dụng số: 1.N1706140077222/NKU/HĐT ngày 21/6/2017; Hợp đồng số: NK/VN0010283/201706/32 ngày 15/6/2017 và Hợp đồng tín dụng thẻ ngày 26/6/2017. Theo 03 Hợp đồng trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V – Chi nhánh Ninh Kiều đã cho bà Phan Thị N vay tổng cộng số tiền 520.000.000 đồng với mức lãi ghi trong Hợp đồng thả nổi.

Để đảm bảo cho Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Việt Nam T V – Chi nhánh Ninh Kiều với bà N có ký Hợp đồng thế chấp xe ôtô số: LN1706140077222/NKU/HĐTCTS ngày 21/6/2017 và đã được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 21/6/2017. Với tài sản đảm bảo cho khoản vay là: xe ô tô tải hiệu KIA, số loại RIO, số khung KNADN412BH6097245, số máy G4FAGH027290, BKS: 67A-06753 thuộc sở hữu của bà Phan Thị N, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số: 012313 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang cấp ngày 20/6/2017.

Đến ngày 18/11/2020, ông Nguyễn Hoàng T đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T V có đơn xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng: NK/VN0010283/201706/32, ngày 15/6/2017 và Hợp đồng tín dụng thẻ ngày 26/6/2017.

Ông Nguyễn Hoàng T yêu cầu bà Phan Thị N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V theo Hợp đồng tín dụng số: 1.N1706140077222/NKU/HĐT ngày 21/6/2017 số tiền vốn 412.962.898 đồng (đã có trả được một kỳ với số tiền 5.037.102 đồng) và lãi tính đến ngày 14/01/2021 là 1.200 ngày lãi, trong đó lãi trong hạn 189.226.483 đồng, lãi quá hạn 94.613.241 đồng, tổng cộng 696.802.241 đồng và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả xong nợ. Bà N không trả thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản mà bà N thế chấp để thanh toán số nợ trên.

Bà Phan Thị N chỉ thừa nhận vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam T V với số tiền 418.000.000 đồng và lãi phát sinh đến tháng 7/2019 vốn và lãi nợ Ngân hàng 480.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến nay. Ngoài ra bà N thừa nhận có ký Hợp đồng thế chấp chiếc xe ôtô do bà N sở hữu cho Ngân hàng để đảm bảo việc vay như nêu trên. Đối với 02 Hợp đồng vay tiêu dùng thì bà Nga đề nghị Ngân hàng làm rõ và phải gửi bản sao kê chi tiết (số tiền vay, ngày rút tiền).

Theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam T V, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đã ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô do bà N là chủ sở hữu. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thể hiện, chiếc xe ôtô, nhãn hiệu KIA, số loại RIO, biển kiểm soát: 67A- 06753 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Phan Thị N, hiện không còn, bà N không còn quản lý. Theo anh Nguyễn Phú H là con ruột của bà N cung cấp, chiếc xe ôtô trên đã bị ông Lý Phước H (tiệm cầm đồ Phước H), địa chỉ: Đường Thủ Khoa Nghĩa, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang cưỡng đoạt, nguyên nhân là do anh H (con bà N) có nợ tiền

anh Phước H. Bà Phan Thị N có làm đơn gửi đến Công an thành phố Châu Đốc yêu cầu làm rõ đối với Lý Phước H về hành vi cưỡng đạt tài sản.

Ngày 20/3/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc có "Báo cáo kết quả xác minh" số 02 có nội dung sau:

"Ngày 23/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Châu Đốc đã mời làm việc với Lý Phước H (chủ tiệm cầm đồ Phước H), sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú tại số 177, đường Thủ Khoa Nghĩa, khóm 3, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Qua làm việc anh H cho biết bản thân không quen biết với bà Phan Thị N và cũng không có cưỡng đoạt tài sản theo đơn tố cáo của bà N ngày 15/02/2019".

"Ngày 27/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc tiến hành xác minh tại bãi rửa xe 99 đường Trưng Nữ Vương, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang được ông Đinh Văn T, sinh năm 1974, cư ngụ số nhà 114, đường Thủ Khoa Huân, tổ 10, khóm Châu Thới, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang cung cấp: Tôi quản lý bãi rửa xe và trực tiếp rửa xe ôtô thì khách hàng nào lái xe ô tô đến rửa xe thì tôi trả xe ôtô trực tiếp cho người đó. Từ năm 2014 đến nay tôi trực tiếp quản lý và rửa xe tại bãi rửa xe 99, tại cơ sở của tôi không có việc người này mang xe ôtô đến rửa mà người khác đến lấy và không có vụ việc cưỡng đoạt tài sản xảy ra tại bãi rửa xe 99. Việc ông H trình báo xe ôtô biển số 67A-06753 hiệu KIA RIO màu trắng bị cưỡng đoạt vào ngày 24/8/2017 tại bãi rửa xe 99 đường Trưng Nữ Vương, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang thì hoàn toàn không có xảy ra".

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không được do bà N vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố: Bản tự khai ngày 08/7/2019 của bà Phan Thị N, báo cáo số 02 ngày 20/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc.

Ngân hàng TMCP Việt Nam T V đã chi tiền tạm ứng xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000 đồng. Ngày 30/7/2019, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp đã chi hết 500.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu và quan điểm.

Đại diện Ngân hàng xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; Bà N không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP Việt Nam T V với bà Phan Thị N có ký kết Hợp đồng vay tài sản với nhau, được hai bên thừa nhận, ngoài ra bà N đã thừa nhận nợ. Yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng vốn vay cộng lãi suất kèm theo đến nay, bà N phải chịu tiền án phí theo quy định. Đề nghị đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Phan Thị N thanh toán 02 (hai) Hợp đồng tín dụng: NK/VN0010283/201706/32, ngày 15/6/2017 và Hợp đồng tín dụng thẻ ngày 26/6/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Phan Thị N, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Long, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Bà Phan Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T V với bà Phan Thị N, đôi bên có ký Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận được pháp luật xem xét và bảo vệ.

[2] Về nội dung: Như trình bày và thừa nhận của đôi bên thể hiện, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V – Chi nhánh Ninh Kiều với bà Phan Thị N có ký Hợp đồng vay vốn. Hợp đồng tín dụng số: N1706140077222/NKU/HĐT ngày 21/6/2017. Theo Hợp đồng trên thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T V – Chi nhánh Ninh Kiều đã cho bà Phan Thị N vay tổng cộng số tiền 418.000.000 đồng với mức lãi ghi trong Hợp đồng thả nổi.

Theo anh Nguyễn Hoàng T do bà Phan Thị N đã vi phạm Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ do không thanh toán việc trả nợ đúng hạn nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Do bà N đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Yêu cầu Tòa án buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền nợ gốc còn 412.962.898 đồng (bà N có trả vốn cho Ngân hàng được 5.037.102 đồng) và lãi tính đến ngày 14/01/2021 là 1.200 ngày lãi, trong đó lãi trong hạn 189.226.483 đồng, lãi quá hạn 94.613.241 đồng, tổng cộng 696.802.241 đồng và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả xong nợ. Bà N không trả thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản mà bà N thế chấp để thanh toán số nợ trên.

Bà Phan Thị N đã thừa nhận còn nợ lại Ngân hàng đến ngày 08/7/2019 với số tiền vốn và lãi là 480.000.000 đồng.

Như vậy có đủ căn cứ cho thấy bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là vi phạm hợp đồng nên bà N có lỗi đối với Ngân hàng. Nay anh Nguyễn Hoàng T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả cho Ngân hàng vốn 412.962.898 đồng (bà N có trả vốn cho Ngân hàng được 5.037.102 đồng) và lãi tính đến ngày 14/01/2021 là 1.200 ngày lãi, trong đó lãi trong hạn 189.226.483 đồng, lãi quá hạn 94.613.241 đồng, tổng cộng 696.802.241 đồng và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả xong nợ. Bà N không trả thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản mà bà N thế chấp để thanh toán số nợ trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chiếc xe xe ôtô tải hiệu KIA, số loại RIO, số khung KNADN412BH6097245, số máy G4FAGH027290, BKS: 67A-06753 thuộc sở hữu của bà Phan Thị N, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số: 012313 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang cấp ngày 20/6/2017 mà bà N đã thế chấp cho Ngân hàng, bà N cho rằng bị ông H cưỡng đoạt, theo báo cáo của cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Châu Đốc thì không có cơ sở cho rằng xe bà N bị người khác cưỡng đoạt. Bà N chỉ thế chấp giấy tờ xe cho Ngân hàng, xe bà N quản lý. Do đó bà N phải tự chịu trách nhiệm với tài sản mà mình quản lý đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam T V.

Việc thanh toán nợ cụ thể thế nào Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong bản án này mà khi án có hiệu lực pháp luật sẽ do cơ quan Thi hành án xét giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Phan Thị N của 02 (hai) Hợp đồng tín dụng: NK/VN0010283/201706/32, ngày 15/6/2017 và Hợp đồng tín dụng thẻ ngày 26/6/2017. Sự tự nguyện này của đại diện Ngân hàng là hợp lý được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng TMCP Việt Nam T V là hợp lý.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 500.000 đồng, Ngân hàng đã chi tạm ứng, nay Ngân hàng có yêu cầu bà N phải chịu khoản tiền này và trả lại cho Ngân hàng. Xét yêu cầu này của Ngân hàng là hợp lý được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Phan Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng 500.000 đồng tiền chi phí xen xét, thẩm định tại chỗ là phù hợp.

[4] Về án phí DSST: Do bà Phan Thị N có lỗi. Do đó, bà N phải chịu toàn bộ tiền án phí là 31.872.000 (ba mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn) đồng. Ngân hàng TMCP Việt Nam T V được hoàn lại 14.917.388 (mười bốn triệu chín trăm mười bảy nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009608 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 91, 157, 158, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 317, 320 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91,95 Luật tổ chức các tín dụng. Khoản 2 Điều 26 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V.

1. Buộc bà Phan Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V vốn và lãi suất là 696.802.241 (sáu trăm chín mươi sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn hai trăm bốn mươi mốt) đồng do anh Nguyễn Hoàng T làm đại diện theo ủy quyền. Bà N không thanh toán khoản tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản mà bà N thế chấp cho Ngân hàng để thanh toán nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T V về việc yêu cầu bà Phan Thị N thanh toán 02 (hai) Hợp đồng tín dụng: NK/VN0010283/201706/32, ngày 15/6/2017 và Hợp đồng tín dụng thẻ ngày 26/6/2017.

- Bà Phan Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí DSST: Bà Phan Thị N phải chịu 31.872.000 (ba mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn) đồng. Ngân hàng TMCP Việt Nam T V được hoàn lại 14.917.388 (mười bốn triệu chín trăm mười bảy nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009608 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Ngân hàng TMCP Việt Nam T V có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Phan Thị N là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh